

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 13-3-2020

V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy Thuận.

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hằng, ông Trần Anh Tuấn.

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2019/TLPT-HNGĐ, ngày 09/12/2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 24/2019/HNGĐ-ST, ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Đắk Lắk bị bà Lê Thị P kháng cáo và Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C1 kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐ-PT, ngày 20/01/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến C, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Thôn 8, xã E, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

Tạm trú: Thôn 10, xã K, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Tiến C: Luật sư Lương Thanh V thuộc chi nhánh văn phòng luật sư Tín Nghĩa, Đoàn luật sư Đắk Lắk - Có mặt.

- Bị đơn có yêu cầu phản tố: Bà Lê Thị P, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn 8, xã E, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn 10, xã K, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

+ Ngân hàng X;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc C2- Giám đốc Chi nhánh B;

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phan Minh T, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch L (Văn bản ủy quyền ngày 14/9/2018);

Địa chỉ: 420 Lê Duẩn, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

+ Ngân hàng TMCP K- PGD C1;

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tuấn A- Tổng giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Văn T - Giám đốc PGD C1;

Địa chỉ: Buôn E, xã B, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 12/9/2018) - Có mặt.

Người kháng cáo: Bà Lê Thị P.

Người kháng nghị: Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C1, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn ông Nguyễn Tiến C trình bày:**

+ **Về quan hệ hôn nhân:**

Ông C và bà Lê Thị P là người thân quen, có thời gian đi lại tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk ngày 14/01/2013. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống tại Thôn 8, xã E, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, đến 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà Lê Thị P có quan hệ ngoại tình với người khác, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên chúng tôi sống ly thân từ tháng 6/2018. Xét thấy không thể tiếp tục chung sống với bà Lê Thị P nên ông C đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Lê Thị P;

+ **Về con chung:** Quá trình chung sống có cháu Nguyễn Tiến P1 sinh ngày 10/11/2014 nhưng không phải con ông C. Vì ông C đã giám định ADN và kết quả là ông C và cháu P1 không Cùng huyết thống, nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì ông C đồng ý giao cháu P1 cho bà P nuôi, ông C không có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Tiến P1.

+ **Về tài sản:**

Tài sản có trước khi chung sống với bà Lê Thị P gồm:

- Diện tích 2.205m² đất thổ cư, tại Thôn 8, xã E, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk và diện tích đất 0,99ha trồng cà phê năm 1990 nhận khoán của Công ty TNHH MTV cà phê E (Năm 2016 đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Xuân T1);

- Đối với thửa đất 250m² tại thôn 10, xã K, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk ông C đã chia cho hai con gái là Nguyễn Thị Thanh N1 125 m² (Đã có bìa đỏ riêng) diện tích còn lại 125 m² cho con gái Nguyễn Thị Thanh N nhưng bìa đỏ vẫn đứng tên ông C, còn căn nhà xây cấp 4 trên đất do cháu N xây dựng. Các tài sản riêng nói trên đều được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc chứng thực đứng tên mình ông C và ông C đã xuất trình đầy đủ có trong hồ sơ vụ án. Năm 2011, bà Hoàng Thị T chết, đến năm 2013 ông C kết hôn với bà Lê Thị P. Tại thời điểm chung sống với bà P (Từ 2013) thì số tài sản riêng của ông C và bà

T vẫn còn tồn tại chưa chuyển nhượng hay tặng cho ai khác và cũng không nhập vào tài sản chung giữa ông C và bà P.

Đến tháng 07/2016 thì bà P có bàn bạc với ông C chuyển nhượng cho ông Nguyễn Xuân T3 diện tích đất ở Thôn 8, xã E và 0,99 ha đất nhận khoán nêu trên lấy số tiền 1.100.000.000đ; thủ tục chuyển nhượng chúng tôi đã thực hiện đầy đủ ông C và ông T1 không tranh chấp gì. Về số tiền chuyển nhượng vườn cây cho ông T1 thì ông C đã chi tiêu sử dụng vào việc trả nợ riêng của ông C là 300.000.000 đồng, ông C cho cháu Nguyễn Thị Thanh N số tiền 200.000.000 đồng để xây nhà trên thửa đất 125m² tại thôn 10, xã K, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk; số tiền còn lại ông C trả nợ ngân hàng 120.000.000 đồng; mua rẫy và chi phí sinh hoạt gia đình...

Tài sản tạo dựng trong thời gian chung sống với bà P gồm:

Năm 2016, nhận chuyển nhượng diện tích 0,5ha đất rẫy trồng cà phê của ông Nguyễn Xuân T3, vị trí tại thôn 3, xã K, thành phố B với giá 350.000.000 đồng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông C, hiện nay đất do ông C quản lý và sử dụng. Tiền mua rẫy do ông C bán tài sản riêng cho ông Nguyễn Xuân T3 và thế chấp chính thửa đất này cho Ngân hàng X - Chi nhánh B - Phòng giao dịch L số tiền 150.000.000 đồng để mua là tài sản riêng của ông C, chứ không phải tiền do ông C và bà P làm ra, đề nghị Tòa án xem xét. Việc đặt cọc tiền mua rẫy cho ông Nguyễn Xuân T3 là có giấy viết tay do ông C và con gái ông C đặt cọc, có giấy tờ hiện nay ông C đang cất giữ chứ không phải bà P.

Quá trình chúng tôi kết hôn và chung sống với nhau thì bà P không đóng góp tài sản riêng gì và giữa hai bên chúng tôi cũng không thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung; lúc kết hôn bà P cũng nói tài sản riêng thì của ai nấy giữ.

- Đối với diện tích 284,7m², vị trí tại thôn 2, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk số tiền để mua đất là do ông C thế chấp nhà và đất tại thôn 10, xã K, huyện C1 cho Ngân hàng TMCP K- Chi nhánh C1 vay số tiền 201.000.000đ để mua thửa đất này. Hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà P quản lý cất giữ (Đất trắng). Nguyên vọng đối với thửa đất này là chia đôi, nếu ai nhận đất để quản lý, sử dụng thì trả tiền cho bên còn lại.

Về nợ chung:

- Nợ Ngân hàng X - Chi nhánh B- PGD L số tiền 150.000.000đ, hiện ông C đã trả gốc và lãi theo quy định, còn nợ lại gốc và lãi là 50.000.000đ, thời hạn trả nợ đến ngày 28/7/2019.

- Nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần K - Chi nhánh C1 số tiền 201.000.000đ như đã trình bày trên chưa trả tiền gốc và lãi suất theo quy định. Đối với nợ chung, đề nghị Tòa án nhân dân giải quyết theo quy định của pháp luật và chia đôi cho các bên.

- Bị đơn có yêu cầu độc lập bà Lê Thị P trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân:

Bà P và ông Nguyễn Tiến C tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã E như ông C trình bày là đúng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên không thể tiếp tục chung sống, chúng tôi sống

ly thân từ đầu 2018 cho đến nay. Nay ông C làm đơn xin ly hôn thì bà P cũng đồng ý. Yêu cầu Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn.

+ Về con chung:

Quá trình chung sống có cháu Nguyễn Tiến P1, sinh ngày 10/11/2014, bà P khẳng định là con chung của bà Lê Thị P và ông Nguyễn Tiến C. Về ý kiến ông C trình bày là đã đi giám định ADN là do ông C tự đi giám định nên bà P không đồng ý, bà P không yêu cầu Tòa án giám định, cũng không tự đi giám định lại ADN để xác minh huyết thống giữa ông C và cháu P1. Nếu vợ chồng ly hôn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu P1 theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản và nợ chung:

- Diện tích đất 125m² tại thôn 10, xã K, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Tiến C là tài sản riêng của ông C thì bà P không tranh chấp. Nhưng vào năm 2016 chúng tôi xây ngôi nhà xây cấp 4 hết số tiền 300.000.000đ; số tiền này do hai vợ chồng cùng lao động làm ra. Khi xây dựng không xin giấy phép xây dựng và không làm hợp đồng xây nhà. Xây xong bà P và ông C vẫn cùng nhau sinh sống nhưng đến cuối năm 2018 ông C không cho bà P vào nhà cùng sinh sống. Nguyên vọng chia đôi giá trị ngôi nhà còn đất là của ông C.

- Ngoài ra, trước khi về chung sống với ông C, bà P đã ly hôn với ông Nguyễn Văn D, bà P có số tiền là 200.000.000 đồng đã góp số tiền này để mua tài sản là diện tích 0,5ha đất rẫy trồng cà phê có vị trí tại thôn 3, xã K, thành phố B đang thế chấp cho Ngân hàng X - Chi nhánh B - PGD L, vì vậy là tài sản chung. Bà P không có giấy tờ gì liên quan đến việc đặt cọc mua lô đất này, hiện nay giấy tờ đặt cọc do ông C cất giữ.

- Đối với diện tích đất 284,7m², vị trí tại thôn 2, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk khi mua trị giá là 225.000.000 đồng. Số tiền có được là do quá trình lao động và tích góp của vợ chồng mua của bà Tống Thị T1. Nguyên vọng của bà P là chia đôi ai nhận đất thì trả cho bên kia giá trị tài sản chênh lệch.

* Về nợ chung: Nhất trí ý kiến của ông C đã trình bày nêu trên.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày:*

Qua ý kiến của ông C và bà P thì chị N thấy ý kiến của ông C là đúng, vì: Khi mẹ chị N là bà Hoàng Thị T chết có để lại các tài sản như ông C trình bày ở trên, bản thân chị N được mẹ chị N để lại di chúc cho 02 chị em chị N (Nguyễn Thị Thanh N1 và Nguyễn Thị Thanh N) diện tích đất 250m² tại thôn 10, xã K, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk, nhưng hiện nay di chúc đã bị thất lạc, thực hiện theo di chúc của mẹ chị N, năm 2017 ông C đã tách thửa cho chị Nguyễn Thị Thanh N1 đứng tên với diện tích 125m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng, phần còn lại vẫn đứng tên ông C nhưng bố ông C đã cho chị N (Cho miệng) và chị N đã xây nhà cấp 4 trên đất để ở. Phần nhà đất của chị N cuối năm 2018 ông C đem thế chấp Ngân hàng K vay 201.000.000đ tiền như ông C trình bày ở trên, việc bà P cho rằng căn nhà do bà P và ông C xây dựng là không đúng. Chị N có hợp đồng xây dựng và

có ký hợp đồng mua bán vật liệu. Chị em tôi (N + N1) có xin bố tiền để xây dựng ngôi nhà cấp 4, trong tiền bán đất được 1.100.000.000 đồng. Ngôi nhà này thuộc quyền sở hữu của chị Nnên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu này của bà Lê Thị P.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đại diện Ngân hàng X ông Phan Minh T trình bày:*

Qua ý kiến của ông C và bà P thì Ngân hàng thừa nhận là đúng, hiện nay ông Nguyễn Tiến C và bà Lê Thị P còn nợ Ngân hàng số tiền 50.000.000đ gốc, hạn trả nợ là 28/7/2019 tài sản thế chấp là diện tích 0,5 ha đất rẫy trồng cà phê của ông Nguyễn Tiến C vị trí tại buôn B, xã K, thành phố B. Nay ông C và bà P ly hôn thì Ngân hàng đề nghị ông bà phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng thì ngân hàng mới trả lại tài sản thế chấp cho ông C, bà P. Do khoản nợ nhỏ nên Ngân hàng chúng tôi không làm đơn kiện độc lập, nếu cần thiết Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đại diện Ngân hàng TMCP K ông Đào Văn T trình bày:*

Ngày 09/02/2018 Ngân hàng TMCP K- PGD C có cho ông C và bà Lê Thị P vay số tiền 201.000.000 đồng, lãi suất theo hợp đồng là 10,98 %/năm, hạn trả nợ ngày 09/02/2019. Tài sản thế chấp là diện tích 125m² vị trí tại thôn 10, xã K, huyện C1 đứng tên ông C. Hai vợ chồng ông C và bà P cùng ký xác nhận nợ. Nay ông C và bà P ly hôn thì Ngân hàng đề nghị ông C và bà P phải có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng số tiền 220.735.118đ (Trong đó nợ gốc 201.000.000đ, lãi trong hạn 5.826.247đ, phạt chậm trả 229.857đ, lãi quá hạn 13.679.014đ) thì Ngân hàng mới trả lại tài sản thế chấp cho ông C bà P. Do khoản nợ đã quá hạn trả nợ nên đề nghị ông C bà P sớm trả cho Ngân hàng. Ngân hàng chưa làm đơn kiện độc lập được vì còn đề xuất xin ý kiến của người có thẩm quyền thì mới khởi kiện sau.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 24/2019/HNGĐ-ST, ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân thành huyện C1 đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, khoản 1 Điều 82 và Điều khoản 2 Điều 83; khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 99 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến C.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Lê Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Tiến C, sinh năm 1962 và bà Lê Thị P, sinh năm 1977

2. Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cháu Nguyễn Tiến P1, sinh ngày 10/11/2014 cho bà Lê Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành.

- Không Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị P về việc yêu cầu ông Nguyễn Tiến C phải cấp dưỡng nuôi con chung

3. Về tài sản chung:

Giao cho bà Lê Thị P được quyền sử dụng, quản lý thửa đất số 267, tờ bản đồ số 91 có diện tích 284,7m², vị trí tại thôn 2, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 539446 do Sở tài nguyên và môi trường Đắk Lắk cấp ngày 17/6/2016 đứng tên bà Đậu Thị N đã chính lý chuyển nhượng cho bà Tống Thị T1, tiếp tục chính lý chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tiến C và bà Lê Thị P ngày 06/3/2018. Bà P có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản cho ông Nguyễn Tiến C số tiền 175. 000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn*)

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị P về việc yêu cầu chia giá trị tài sản căn nhà xây cấp 4 xây dựng trên thửa đất số 9778 tờ bản đồ số 40 có diện tích 125m² tại thôn 10, xã K, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 156898 do Sở tài nguyên và môi trường Đắk Lắk cấp ngày 26/10/2017 và chia thửa đất số 15, tờ bản đồ số 51 có diện tích 5310,2 m², vị trí tại buôn B, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 565208 do Sở tài nguyên và môi trường Đắk Lắk cấp ngày 21/7/2016 đều đứng tên ông Nguyễn Tiến C, cần tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi có đơn yêu cầu của đương sự và đơn yêu cầu giải quyết khoản nợ chung của Ngân hàng TMCP K, Ngân hàng X.

5. Về nợ chung:

Ghi nhận hiện ông Nguyễn Tiến C và bà Lê Thị P còn nợ Ngân hàng X số tiền 50.000.000đ và lãi theo quy định và nợ Ngân hàng TMCP K số tiền gốc 201.000.000đ và lãi suất theo quy định trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, cần tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi Ngân hàng có đơn yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi án sơ thẩm xử xong, ngày 17/9/2019 bị đơn bà Lê Thị P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm, vì bà P cho rằng về con chung là cháu Nguyễn Tiến P1 sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa bà P và ông C nên ông C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P1 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không buộc ông C cấp dưỡng nuôi cháu P1 là chưa đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho cháu P1; về tài sản chung và nợ chung thì bà có nộp đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung nhưng tòa án cấp sơ thẩm chỉ chia 01 tài sản và tách 02 tài sản đang thế chấp vay tiền ngân hàng còn lại ra giải quyết vụ án khác là chưa đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho bà P.

Ngày 18/9/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C1 kháng nghị một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con chung, về chia tài sản chung, về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn có yêu cầu phản tố bà Lê Thị P vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; tuy nhiên

giữa nguyên đơn ông Nguyễn Tiến C và bị đơn có yêu cầu phản tố bà Lê Thị P cùng thống nhất tự nguyện thỏa thuận các nội dung sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Các đương sự thuận tình ly hôn.
- Về con chung:
 - + Các đương sự thừa nhận cháu Nguyễn Tiến P1 là con chung của ông C và bà P và giao con chung cháu P1 cho bà P chăm sóc, nuôi dưỡng.
 - + Về trợ cấp nuôi con: Ông C chấp nhận trợ cấp cho bà Lê Thị P 1.500.000đồng để bà P nuôi con chung cháu Nguyễn Tiến P1.
- Về tài sản chung: Các đương sự đồng ý chia đôi thửa đất số 267, tờ bản đồ số 91, diện tích 284,7m², tại thôn 2, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có giá trị 300.000.000đồng, bà P nhận thửa đất và bà P có trách nhiệm trả giá trị chênh lệch cho ông C số tiền 150.000.000đồng.
- Đối với tài sản chung còn lại đã thế chấp vay tiền tại Ngân hàng mà chưa trả nợ gốc và lãi suất: Các đương sự thống nhất tách ra giải quyết bằng vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về nội dung:
 - + Đơn kháng cáo của bị đơn có yêu cầu phản tố bà Lê Thị P nộp trong hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí nên cần được thụ lý xét xử theo trình tự phúc thẩm là đảm bảo đúng quy định pháp luật.
 - + Xét đơn kháng cáo của bị đơn có yêu cầu phản tố bà Lê Thị P và Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/KN-VKS-DS, ngày 18/9/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C1, xét thấy:
 - Về hôn nhân các đương sự tự nguyện thuận tình ly hôn.
 - Về con chung: Các đương sự thừa nhận cháu Nguyễn Tiến P1 là con chung và bà Lê Thị P đồng ý để ông Nguyễn Tiến C trợ cấp mỗi tháng 1.500.000đồng cho bà P để nuôi dưỡng con chung cháu P1.
 - Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đồng ý chia tài sản quyết thửa đất số 267, tờ bản đồ số 91 có diện tích đất 248,7m² tại thôn 2, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có giá trị 300.000.000đồng, giao bà P được quyền quản lý, sử dụng và bà P có trách nhiệm trả giá trị chênh lệch cho ông C 150.000.000đồng; tách ra giải quyết 02 tài sản còn lại hiện đang thế chấp vay tiền tại ngân hàng thành vụ án khác khi các đương sự có đơn yêu cầu.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn có yêu cầu phản tố bà Lê Thị P và Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/KN-VKS-DS, ngày 18/9/2019 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C1, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn có yêu cầu phản tố bà Lê Thị P nộp trong hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét đơn kháng cáo của bị đơn có yêu cầu phản tố bà Lê Thị P và Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/KN-VKS-DS, ngày 18/9/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C1 đối với Bản án tranh chấp hôn nhân và gia đình số 24/2019/HNGĐ-ST, ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện C1, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể sống chung xây dựng gia đình được nên các bên đương sự tự nguyện thống nhất đồng ý thuận tình ly hôn.

[2.2] Về con chung: Nguyên đơn ông Nguyễn Tiến C và bị đơn có yêu cầu phản tố bà Lê Thị P đều thừa nhận cháu Nguyễn Tiến P1 là con chung. Các bên đương sự thỏa thuận giao cháu P1 cho bà P chăm sóc, nuôi dưỡng và ông C có trách nhiệm cấp dưỡng 1.500.000đồng cho bà P để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cháu P1.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

- Đối với tài sản chung: Ông Nguyễn Tiến C và bà Lê Thị P đều thừa nhận thỏa thuận chia thửa đất số 267, tờ bản đồ số 91, diện tích 284,7m², tại thôn 2, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có giá trị là 300.000.000đồng, giao bà P được quyền sử dụng, quản lý thửa đất này và bà P có trách nhiệm bù giá trị chênh lệch cho ông C 150.000.000đồng. Các đương sự đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại số tiền 175.000.000đồng mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử buộc bà P trả giá trị chênh lệch cho ông C cho đúng biên bản định giá tài sản khi chia giá trị tài sản này.

- Đối với tài sản, gồm:

+ Tài sản căn nhà cấp 4 xây trên diện tích 125m² tại thôn 10, xã K, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk đang thế chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần K- Phòng giao dịch C vay tiền gốc là 201.000.000đồng và lãi suất theo quy định.

+ Tài sản thửa đất số 15, tờ bản đồ 51, diện tích 5310,2m², tại buôn B, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đang thế chấp tại Ngân hàng X-Chi nhánh B-Phòng giao dịch L số tiền gốc còn nợ 50.000.000đồng và lãi suất theo quy định.

Các bên đương sự đều thống nhất tách ra giải quyết vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về chi phí tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bà Lê Thị P tự nguyện chịu số tiền 2.500.000đồng tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã nộp tại Tòa án. Tuy nhiên, tại biên lai số 05 ngày 08/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B đã thu của bà P 3.000.000đồng tiền tạm ứng xem xét thẩm định và định giá tài sản và đã chi phí hết 2.000.000đồng, trả lại cho bà P

1.000.000đồng, do đó chỉnh sửa lại bà P tự nguyện chịu 2.000.000đồng tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

[2.5] Như vậy, từ những phân tích nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn có yêu cầu phản tố bà Lê Thị P và Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/KN-VKS-DS ngày 18/9/2019 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C1 - Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, phần tài sản chung, chi phí tố tụng, án phí là có cơ sở.

[3] Về chi phí tố tụng khác: Ông Nguyễn Tiến C tự nguyện chịu số tiền 1.500.000 đồng tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã nộp tại Tòa án. Bà Lê Thị P tự nguyện chịu số tiền 2.00.000 đồng tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã nộp tại Tòa án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Tiến C phải chịu 300.000 án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, 300.000đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung và số tiền 7.500.000 đồng về việc chia tài sản chung được khấu trừ số tiền 5.300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số AA/2017/0007121 ngày 19/7/2018 và biên lai thu số AA/2017/0007171 ngày 24/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C1, còn phải nộp 2.800.000 đồng.

- Bà Lê Thị P phải chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu chia sản chung, được khấu trừ số tiền 12.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số AA/2017/0007116, ngày 12/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C1, còn được nhận lại 4.500.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận một phần đơn kháng cáo nên bị đơn có yêu cầu phản tố bà Lê Thị P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả bà P số tiền 300.000đồng mà bà P đã nộp theo biên lai số AA/2017/0014776 ngày 25/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C1, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 147; Điều 300; khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Chấp nhận một phần đơn kháng cáo bị đơn có yêu cầu phản tố bà Lê Thị P, Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/KN-VKS-DS, ngày, 18/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C1 đối với Bản án tranh chấp hôn nhân và gia đình số 24/2019/HNGĐ-ST, ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện C1 - Sửa bản án hôn nhân và gia đình số 24/2019/HNGĐ-ST, ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, khoản 1 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến C.
- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Lê Thị P.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Tiến C, sinh năm 1962 và bà Lê Thị P, sinh năm 1977.

[2.2] Về con chung:

- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cháu Nguyễn Tiến P1, sinh ngày 10/11/2014 cho bà Lê Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành.

- Ghi nhận sự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con chung của nguyên đơn ông Nguyễn Tiến C và bị đơn có yêu cầu phản tố bà Lê Thị P tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Nguyễn Tiến C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cháu Nguyễn Tiến P1 mỗi tháng là 1.500.000đồng.

Ông Nguyễn Tiến C được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

- Giao cho bà Lê Thị P được quyền sử dụng, quản lý thửa đất số 267, tờ bản đồ số 91, diện tích 284,7m², vị trí tại thôn 2, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 539446 do Sở tài nguyên và môi trường Đắk Lắk cấp ngày 17/6/2016 đứng tên bà Đậu Thị N đã chính lý chuyển nhượng cho bà Tống Thị T1, tiếp tục chính lý chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tiến C và bà Lê Thị P ngày 06/3/2018. Bà P có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản cho ông Nguyễn Tiến C số tiền 150. 000.000 đồng (*Một trăm lăm mươi triệu đồng chẵn*)

- Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự: Đối với tài sản căn nhà xây cấp 4 xây dựng trên thửa đất số 9778, tờ bản đồ số 40, diện tích 125m² tại thôn 10, xã K, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 156898 do Sở tài nguyên và môi trường Đắk Lắk cấp ngày 26/10/2017 đã thế chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần K-Phòng giao dịch C vay tiền gốc còn nợ là 201.000.000đồng và lãi suất theo quy định và thửa đất số 15, tờ bản đồ số 51, diện tích 5310,2 m², vị trí tại buôn B, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 565208 do Sở tài nguyên và môi trường Đắk Lắk cấp ngày 21/7/2016 đều đứng tên ông Nguyễn Tiến C đã thế chấp tại Ngân hàng X-Chi nhánh B-Phòng giao dịch L số tiền gốc vay còn nợ 50.000.000đồng và lãi suất theo quy định, tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có đơn yêu cầu.

[3] Về chi phí tố tụng khác: Ông Nguyễn Tiến C tự nguyện chịu số tiền 1.500.000 đồng tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã nộp tại Tòa án. Bà Lê Thị P tự nguyện chịu số tiền 2.00.000 đồng tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã nộp tại Tòa án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[4.1] Ông Nguyễn Tiến C phải chịu 300.000 án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn; 300.000đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung và số tiền 7.500.000

đồng về việc chia tài sản chung được khấu trừ số tiền 5.300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số AA/2017/0007121, ngày 19/7/2018 và biên lai thu số AA/2017/0007171, ngày 24/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C1, còn phải nộp 2.800.000 đồng.

[4.2] Bà Lê Thị P phải chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu chia sản chung, được khấu trừ số tiền 12.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số AA/2017/0007116, ngày 12/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C1, còn được nhận lại 4.500.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Lê Thị P số tiền 300.000đồng mà bà P đã nộp theo biên lai số AA/2017/0014776, ngày 25/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C1, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện C1;
- Chi cục THADS huyện C1;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Thuận